

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGHĨA BIỂU HIỆN CỦA HÌNH ẢNH TRONG DIỄN NGÔN QUẢNG CÁO DU LỊCH BANG CALIFORNIA CỦA MỸ

NGUYỄN THỊ THANH HÀ*

TÓM TẮT: Bài báo nghiên cứu nghĩa biểu hiện của hình ảnh trực quan trong diễn ngôn quảng cáo du lịch bang California trên các trang điện tử chính thống tiếng Anh của Mỹ từ lý thuyết phân tích diễn ngôn đa phương thức. Diễn ngôn quảng cáo du lịch cung cấp thông tin cho du khách và thuyết phục khách du lịch tiềm năng lựa chọn điểm đến du lịch. Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, việc giao tiếp được thực hiện thông qua nhiều phương thức thay vì một phương thức, trong đó các yếu tố ngôn từ, hình ảnh, âm nhạc, âm thanh và màu sắc...đều là những nguồn tạo nghĩa. Nghiên cứu này sử dụng thiết kế nghiên cứu định tính và định lượng với dữ liệu phân tích là 21 hình ảnh trực quan từ các trang điện tử bằng tiếng Anh và áp dụng khung lý thuyết về ngữ pháp hình ảnh của Kress và Leeuwen (2006). Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ về tính ứng dụng của ngữ pháp hình ảnh đồng thời giúp ích cho việc nghiên cứu lý thuyết thiết kế hình ảnh kết hợp với ngôn ngữ nhằm truyền tải nghĩa cho diễn ngôn quảng cáo du lịch.

TỪ KHÓA: nghĩa biểu hiện; diễn ngôn; quảng cáo du lịch; đa phương thức; ngôn ngữ.

NHẬN BÀI: 26/06/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/09/2024

1. Đặt vấn đề

Du lịch là một trong những ngành kinh tế chủ lực của bang California, Mỹ với nhiều đóng góp vào GDP của bang cũng như tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thu hút hàng triệu du khách mỗi năm. Bang California, được biết đến với biệt danh “The Golden State,” (Tiểu bang Vàng) là một trong những điểm đến du lịch hàng đầu của Mỹ nhờ vào sự đa dạng về cảnh quan, văn hóa và các hoạt động giải trí. Việc nghiên cứu diễn ngôn quảng cáo du lịch (DNQCDL) giúp tăng cường thương hiệu và hình ảnh của bang.

Quảng cáo du lịch không chỉ sử dụng văn bản mà còn kết hợp hình ảnh, âm thanh, màu sắc và các yếu tố thị giác khác. Nghiên cứu đa phương thức cho phép phân tích toàn diện, sâu sắc về cách các yếu tố này kết hợp, tạo ra hiệu ứng tổng thể cũng như cung cấp cách nhìn mới và đa chiều, giúp hiểu rõ hơn về hiệu quả của các chiến lược quảng cáo và tối ưu hóa chúng.

Hình ảnh không chỉ là một phần của quảng cáo, mà còn là yếu tố quan trọng trong việc truyền đạt thông điệp và gợi cảm xúc đối với người xem. Bằng cách nghiên cứu về nghĩa biểu hiện của hình ảnh, ta có thể hiểu rõ hơn về cách mà hình ảnh được sử dụng để tạo ra ấn tượng và tác động lên ý định của người xem. Ngoài ra, hình ảnh thường có sức mạnh trực tiếp và nhanh chóng gợi cảm xúc và tạo ra ấn tượng mạnh mẽ đối với người xem. Trong DNQCDL, hình ảnh có vai trò quan trọng trong việc kích thích mong muốn và thúc đẩy hành vi của du khách.

Trên thế giới, nghiên cứu về hình ảnh trực quan trong diễn ngôn đa thức được triển khai trên nhiều kênh khác nhau như tờ rơi, áp phích, nền tảng mạng xã hội...Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào về tín hiệu hình ảnh trong DNQCDL bang California của Mỹ dưới góc nhìn của phân tích diễn ngôn đa phương thức. Do đó, bài viết này sẽ là thử nghiệm bước đầu của chúng tôi nhằm bù đắp cho sự thiếu hụt này. Nghiên cứu này có thể đóng góp vào việc phát triển các lý thuyết về quảng cáo, truyền thông và du lịch bằng cách mở rộng hiểu biết về vai trò của hình ảnh trong diễn ngôn quảng cáo, qua đó giúp cải thiện hiệu quả của các chiến dịch quảng cáo du lịch và tạo ra những trải nghiệm tốt hơn cho du khách.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống

Michael Halliday (1978) đã phát triển Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (NNHCNHT) hoặc Ngữ

*Trường Đại học Thương mại; Email: nguyenthanhha87@tmu.edu.vn

pháp chức năng hệ thống (NPCNHT) là một mô hình ngữ pháp với phần giới thiệu về cách tiếp cận ngôn ngữ như một quá trình kí hiệu học xã hội. NPCNHT nghiên cứu cách mà ngữ pháp được sử dụng để thực hiện các chức năng ngôn ngữ khác nhau và cách mà các yếu tố ngữ pháp tương tác với nhau để tạo ra ý nghĩa và thông điệp trong ngôn ngữ. Nguyên lí của NPCNHT là coi ngôn ngữ như một loại ngôn ngữ nghiên cứu và kí hiệu học xã hội từ góc độ tương tác của nó với bối cảnh xã hội. Theo Eggins (2004), NPCNHT “đã được áp dụng để diễn giải ngữ pháp của các phương thức ký hiệu học khác, chẳng hạn như hình ảnh, âm thanh và hành động.

Halliday (1994) chỉ ra: “*Trong ngữ pháp chức năng, một ngôn ngữ được hiểu là một hệ thống ý nghĩa, kèm theo những dạng thức mà qua đó ý nghĩa có thể được hiện thực hóa*” (tr.47). Vì vậy, có thể nói NPCNHT tập trung vào các phương tiện hiện thực hóa chức năng của ngôn ngữ. Theo khung của Halliday, có ba siêu chức năng trong cấu trúc ngôn ngữ và giao tiếp của con người, đó là *chức năng ý niệm (ideational)*, *chức năng liên nhân (interpersonal)* và *chức năng tạo văn bản (textual)*.

Chức năng ý niệm: Ngôn ngữ được sử dụng để mô tả, phản ánh hoặc diễn giải thế giới xung quanh chúng ta, trải nghiệm cá nhân của bản thân, bao gồm “những sự việc, sự xảy ra, cảm nhận, ý nghĩa, tồn tại và trở thành”.

Chức năng liên nhân: Ngôn ngữ được sử dụng để cho phép mọi người tham gia vào giao tiếp, đảm nhận vai trò của họ, và diễn đạt cảm xúc, thái độ và nhận xét của bản thân và hiểu cảm xúc, thái độ và nhận định của người khác.

Chức năng tạo văn bản: Ngôn ngữ được sử dụng để liên kết những gì được nói hoặc viết với thế giới thực hoặc các sự kiện ngôn ngữ khác.

2.2. Lí thuyết phân tích diễn ngôn đa phương thức

Đã có rất nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng nghiên cứu về phân tích diễn ngôn đa phương thức gồm O'Toole, Kress, van Leeuwen, Lemke, O'Halloran, Thibault và Ventola nghiên cứu diễn ngôn đa phương thức từ góc độ ký hiệu học xã hội; Scolion, Norris và Jewitt từ góc độ xã hội học tương tác; Forceville và Holsanova từ góc độ nhận thức.

Không chỉ tiếp cận về mặt ngôn từ, đa phương thức còn khai thác tất cả các loại giao tiếp được thể hiện bằng hình ảnh, video và âm thanh. Jewitt (2018) xác định tầm quan trọng của việc kết hợp các yếu tố này để tạo ra một hệ thống giao tiếp mạnh mẽ bằng cách tuyên bố rằng “*các phương thức kí hiệu học khác nhau cũng giống như ngôn ngữ, mỗi phương thức có quy tắc, ngữ pháp và quy ước riêng*” (tr.228). Kress và Van Leeuwen (2001) trong cuốn sách *Diễn ngôn đa phương thức* nhận định rằng giao tiếp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau bắt nguồn từ mối liên hệ giữa ngôn ngữ và các phương thức giao tiếp khác.

Theo Kress (2010) “*Tính đa phương thức là đặc điểm cơ bản của giao tiếp con người nói chung và của việc đọc viết nói riêng*” (tr.1). Nói một cách đơn giản, con người không chỉ giao tiếp qua tin nhắn văn bản mà còn có khả năng tiếp cận nhiều nguồn tài nguyên đa phương tiện. Vì vậy, có thể khẳng định rằng cả phân tích đa phương thức và phân tích diễn ngôn đều khác nhau về mặt lí thuyết nhưng đi theo một hướng thống nhất là xác định các giao dịch truyền thông và mang lại ý nghĩa cho những thông điệp mà các cá nhân nhận được thông qua tương tác hàng ngày.

Phân tích diễn ngôn đa phương thức là một phương pháp hữu ích để xác định cách thức hoạt động của giao tiếp trong các bối cảnh văn hóa và xã hội khác nhau cũng như để kiểm tra các thông điệp từ phương tiện truyền thông, quảng cáo và các loại hình minh họa khác. Tóm lại, phân tích diễn ngôn đa phương thức tập trung vào mối liên hệ giữa các phương thức khác nhau và cách chúng phối hợp với nhau để truyền đạt ý nghĩa.

2.3. Lí thuyết ngữ pháp hình ảnh

Về mặt phân tích diễn ngôn, nếu chỉ phân tích diễn ngôn từ góc độ ngôn từ thì chưa đủ, bởi một phần ý nghĩa trong diễn ngôn được thể hiện bằng các yếu tố phi ngôn ngữ như giọng điệu, âm điệu, cử chỉ, nét mặt, hoàn cảnh, v.v.

Theo Kress và Van Leeuwen (2006), giao tiếp qua ngôn từ và hình ảnh thể hiện “*các hệ thống ý nghĩa cơ bản và sâu rộng tạo nên nền văn hóa của chúng ta*” (tr.17) qua các hình thức riêng của

chúng một cách độc lập. Cũng giống như các lớp từ và cấu trúc mệnh đề trong ngôn ngữ, màu sắc và cấu trúc thành phần trong giao tiếp bằng hình ảnh cũng có thể tạo ra ý nghĩa. Dựa trên ba siêu chức năng ngôn ngữ của Halliday, Kress, G. và Van Leeuwen (2006) đã phân tích hình ảnh trực quan thể hiện theo ba loại nghĩa gồm: *nghĩa biểu hiện* (representational meaning), *nghĩa liên nhân* (interpersonal meaning) và *nghĩa bố cục* (compositional meaning), trong đó nghĩa biểu hiện tương ứng với chức năng ý niệm, nghĩa liên nhân tương ứng với chức năng liên nhân và nghĩa bố cục tương ứng với chức năng tạo văn bản. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đi sâu phân tích nghĩa biểu hiện của các hình ảnh trong DNQCDL bang California của Mỹ.

Theo Kress và Leeuwen (2006), trong ngữ pháp hình ảnh, nghĩa biểu hiện được hiện thực hóa bằng cách biểu đạt tường thuật và biểu đạt khái niệm (tr.59). Nghĩa tường thuật của hình ảnh biểu hiện qua 3 yếu tố gồm quá trình, tham thể và chu cảnh với sự xuất hiện của vector từ ánh mắt và hoạt động của đối tượng biểu thị. Với nghĩa khái niệm, không có sự xuất hiện các vector chỉ hướng sự chú ý của người xem với hoạt động của đối tượng biểu hiện trong hình ảnh, trong đó Kress và Lauween khái quát hóa thành 3 quá trình tiêu biểu: *quá trình phân loại, quá trình phân tích và quá trình biểu tượng*.

2.4. Các nghiên cứu trước đây

Đã có một số nghiên cứu trong và ngoài nước tìm hiểu về tín hiệu hình ảnh trong các diễn ngôn quảng cáo du lịch. Những nghiên cứu này đi sâu phân tích cấu trúc nghĩa của các hình ảnh trong diễn ngôn quảng cáo.

Jian Yanwei và Hanita Hassan (2023) đã điều tra các tính năng đa phương thức của video quảng cáo du lịch Bắc Kinh và khám phá cách kết hợp các yếu tố ngôn từ và hình ảnh để thể hiện hình ảnh điểm đến Bắc Kinh từ góc độ phân tích diễn ngôn đa phương thức trên cơ sở lý thuyết phân tích hình ảnh của Kress và Van Leeuwen (2006). Kết quả nghiên cứu thể hiện rằng, về mặt chức năng ý niệm của ngôn ngữ, 3 quá trình trong hệ thống chuyển tác được sử dụng trong video gồm quá trình tương quan, quá trình tinh thần và quá trình vật chất. Điều này chứng minh rằng video quảng cáo du lịch đã cố gắng truyền tải tới người xem những điểm nổi bật của thành phố Bắc Kinh. Xét về chức năng biểu hiện qua hình ảnh, nghĩa tường thuật và khái niệm đã được áp dụng nhằm miêu tả các hoạt động của người dân và diện mạo của thành phố này, cụ thể là hình ảnh tường thuật thể hiện văn hóa, lịch sử và cuộc sống chất lượng cao của Bắc Kinh và hình ảnh khái niệm đại diện cho vẻ lung lẫy và tráng lệ của thủ đô này.

Ở Việt Nam, số lượng các nghiên cứu theo đường hướng đa phương thức trên các diễn ngôn quảng cáo du lịch chưa phổ biến. Ngô Thị Thu Hương (2023) đã thực hiện nghiên cứu về nghĩa tương tác của hình ảnh trực quan trong diễn ngôn du lịch một số website tiếng Việt. Dữ liệu phân tích là những hình ảnh được thu thập từ một số website tiếng Việt của ba chủ thể truyền thông gồm cơ quan quản lý du lịch địa phương, cơ quan truyền thông trung ương và công ty du lịch. Nghiên cứu dựa trên khung phân tích hình ảnh của Gunther Kress và Theo van Leeuwen (2006). Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tương tác giữa hình ảnh trực quan với người xem. Những tiêu chí nghiên cứu về hình ảnh như cái nhìn, kích thước của khung và góc chụp không chỉ thể hiện sự kết nối, khoảng cách xã hội và thái độ của đối tượng trong hình ảnh đối với người xem mà còn thể hiện những dụng ý khác nhau của các chủ thể truyền thông.

3. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu đặc điểm của hình ảnh trực quan trong DNQCDL bang California, Mỹ theo đường hướng đa phương thức, chúng tôi thu thập ngẫu nhiên 21 hình ảnh trong các DNQCDL bang California của Mỹ liên quan đến các chủ đề gồm điểm đến, ẩm thực, trải nghiệm.... từ các trang báo điện tử nổi tiếng của Mỹ để làm dữ liệu phân tích gồm: <https://www.visittheusa.com/>; <https://travel.usnews.com/> <https://www.visitcalifornia.com/>.

Hình 1  <i>Cảnh công viên quốc gia Yosemite</i> Visit California California Holidays & Tourism (visittheusa.com)	Hình 2  <i>Ngắm cầu Golden Gate Bridge</i> Visit California California Holidays & Tourism (visittheusa.com)	Hình 3  <i>Hai bố con với nhân vật Mickey tại công viên Disneyland, Mỹ</i> Disneyland California Vacations (visittheusa.com)
Hình 4  <i>Mua đồ tại chợ nông sản Santa Monica</i> Savor Santa Monica's Delicious, Diverse Food Scene in 4 Days (visittheusa.com)	Hình 5  <i>Hải sản tươi sống của San Francisco</i> San Francisco, California: 10 Reasons for Foodies to Visit (visittheusa.com)	Hình 6  <i>Cảnh Cầu Vịnh ở San Francisco</i> Foodie Road Trip : The Pacific Coast Highway Visit The USA
Hình 7  <i>Lối đi dạo và núi non của Santa Barbara lúc hoàng hôn</i> Foodie Road Trip : The Pacific Coast Highway Visit The USA	Hình 8  <i>Hòn đảo Alcatraz</i> San Francisco, California, Iconic Landmarks (visittheusa.com)	Hình 9  <i>Những người lướt sóng gần bến Tàu Scripps, San Diego</i> California, USA: Dining with Incredible Views Throughout the State (visittheusa.com)

Hình 10  <i>Thưởng thức rượu nho tại vườn Edna Valley</i> California's Highway 1: Road Trip for 160 Kilometers Along the Coast (visittheusa.com)	Hình 11  <i>Bia thủ công tại Danville Tri-Valley, California: Small-Town Charm and Wine Country</i> (visittheusa.com)	Hình 12  <i>Cáp treo ngắm Palm Springs và Thung lũng Coachella</i> Palm Springs Pictures U.S. News Travel (usnews.com)
Hình 13  <i>Món nhím biển của Santa Barbara</i> Santa Barbara, California Dining Itinerary (visittheusa.com)	Hình 14  <i>Thủy cung tại SeaWorld, San Diego</i> SeaWorld San Diego, California: Ocean Attractions (visittheusa.com)	Hình 15  <i>Vườn thú tại Santa Barbara</i> https://santabarbaraca.com/itinerary/must-visit-museums-attractions/
Hình 16  <i>Phim trường Hollywood</i> https://www.visitcalifornia.com/things-to-do/universal-studios-hollywood/	Hình 17  <i>Bánh tào cắt lát chiên</i> https://www.visitcalifornia.com/experience/8-must-eat-theme-park-snacks/	Hình 18  <i>Kênh đào Venice, Los Angeles</i> Los Angeles Pictures U.S. News Travel (usnews.com)

Hình 19  Rượu nho và bánh tại vườn nho St. Francis ở Santa Rosa Sonoma County, California: Vacation in Wine Country (visittheusa.com)	Hình 20  Thưởng thức bia thủ công tại Vườn bia Brewsters ở Petaluma Sonoma County, California: Vacation in Wine Country (visittheusa.com)	Hình 21  Đi khinh khí cầu tại thung lũng Temecula https://www.visittemeculavalley.com/top-10-things-to-do/
--	---	--

Các hình ảnh này được phân tích dựa trên phương pháp phân tích tín hiệu hình ảnh của Kress và Van Leeuwen, 2006. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn, phương pháp miêu tả để phân tích đặc điểm, cách bố trí và tạo nghĩa của hình ảnh trong DNQCDL. Trong khuôn khổ bài viết, nghiên cứu này tập trung phân tích nghĩa biểu hiện của hình ảnh trong DNQCDL của bang California, Mỹ, cụ thể được trình bày theo cách thức phân tích sau:

Nghĩa biểu hiện của hình ảnh được chia làm 2 loại gồm hình ảnh tường thuật và hình ảnh khái niệm. Hình ảnh khái niệm được Kress và Van Leeuwen khái quát hóa thành 3 quá trình: (1) *Quá trình phân loại (Classification Process)*: Các đối tượng trong hình ảnh được nhóm lại với nhau nhằm biểu hiện mối quan hệ phân loại hoặc mối quan hệ tương tự thuộc các khu vực cấp: cùng cấp (coordinate), trên cấp (superordinate) và dưới cấp (subordinate); (2) *Quá trình phân tích (Analytical Processes)*: Các tham thể được nhìn nhận trong quan hệ bộ phận- toàn bộ (part-whole), quá trình này đòi hỏi 2 loại tham thể: 1 đương thể (carrier) (toàn bộ) và các thuộc tính sở hữu (positive attributes) (bộ phận); (3) *Quá trình biểu tượng (Symbolic Processes)*: Các đương thể có mối liên hệ mật thiết đến các thuộc tính biểu tượng (symbolic attributes) hoặc ý nghĩa gợi lên một cách gián tiếp thông qua sự sắp xếp của các yếu tố hình ảnh biểu thị một khái niệm hoặc ý nghĩa trừu tượng (symbolic suggestive).

Hình ảnh tường thuật biểu hiện qua *quá trình, tham thể và chu cảnh* xác định. Economou (2009, tr.86) đã chi tiết hóa các kiểu kinh nghiệm của hình ảnh tường thuật qua bảng dưới đây.

Chức năng kinh nghiệm	Ngữ pháp kinh nghiệm	Biểu hiện
Quá trình (Process)	Quá trình trực quan gồm: 1. Vật chất (Material) 2. Hành vi (Behavioural) 3. Phát ngôn (Verbal) 4. Tinh thần (Mental) 5. Quan hệ (Relational)	vector, liên kết (link)
Tham thể (người hoặc vật) (Participant)	Tham thể trực quan gồm: 1. Actor (Hành thể), Goal (Đích thể) 2. Behavior (Ứng thể) 3. Sensor (Cảm thể), Phenomenon (Hiện tượng) 4. Sayer (Phát ngôn thể), Verbiage (Tiếp ngôn thể) 5. Carrier (Đương thể), Attribute (Thuộc tính)	shapes (hình khối), parts (phần)
Chu cảnh (Circumstance)	Chu cảnh trực quan gồm: time	Vector, shapes (hình khối), parts

	(thời gian), place (địa điểm), manner (cách thức), cause (nguyên nhân)	(phần)
--	--	--------

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hình ảnh khái niệm

Khác với hình ảnh tường thuật, không dễ để tìm ra những vector chỉ hướng thể hiện quá trình vật chất hoặc tinh thần của tham thể. Nét đặc trưng của trình diện khái niệm theo Kress và Van Leeuwen nằm ở quá trình mang tính tổng quát. Trong số 21 hình ảnh trực quan được khảo sát, hình ảnh thể hiện trình diện khái niệm chiếm số lượng nhiều hơn hình ảnh tường thuật. Hình 1 thuộc quá trình phân tích với các yếu tố như núi, cây và suối được tổ chức nhằm thể hiện các thành phần chính của cảnh quan công viên. Hình ảnh này không chỉ đơn giản là trình bày các yếu tố một cách riêng lẻ mà còn miêu tả mối quan hệ giữa chúng, ví dụ như suối chảy qua khu rừng, núi bao quanh khu vực cây cối, tạo nên một tổng thể hài hòa của công viên quốc gia. Điều này giúp người xem hiểu rõ hơn về cấu trúc và mối liên kết giữa các yếu tố trong cảnh quan của công viên quốc gia.

Hình 6, 7, 8, 12, 16, 18 thuộc quá trình phân tích với các phần tử trong ảnh (tòa nhà, đường phố, biển, cây cối...) được xem như các thành phần của một tổng thể lớn hơn (cảnh Cầu vịnh ở San Francisco, cảnh hòn đảo Alcatraz...). Những hình ảnh này cung cấp một cái nhìn toàn cảnh, giúp người xem nhận biết mối liên hệ và vị trí tương đối giữa các thành phần, từ đó làm nổi bật cách các yếu tố khác nhau hợp thành một cấu trúc tổng thể.

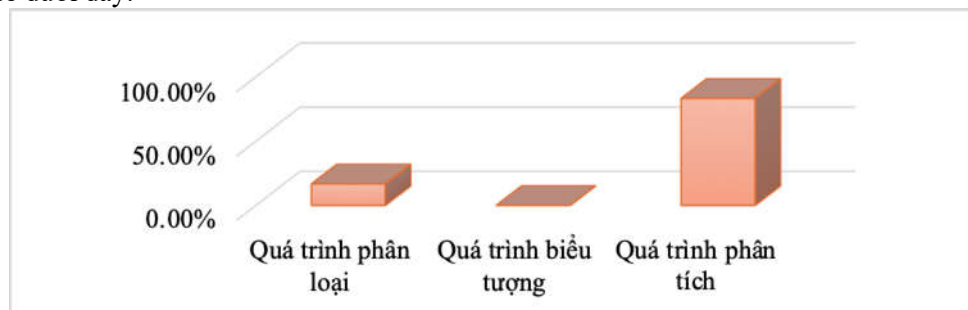
Hình 5, 13, 17 thể hiện các món ăn tại một số địa điểm thuộc tiểu bang California, Mỹ. Hình 5 thuộc quá trình phân tích với carrier (đương thể) là món hải sản, attributes (thuộc tính) là lớp vỏ màu đen, phần bên trong màu vàng.

Hình 13 thuộc quá trình phân tích với các thành phần được chia nhỏ (Vỏ ngoài giống gai nhím, nhân bên trong màu vàng, đá lạnh xung quanh và 1 lát chanh) và mỗi thành phần được trình bày một cách rõ ràng để làm nổi bật cấu trúc hoặc đặc điểm của đối tượng (món ăn nhím biển).

Hình 17 thuộc quá trình phân tích vì nó phân tích và mô tả các thành phần của hộp bánh táo chiên (các miếng bánh táo và lớp kem whipping) cũng như nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa các phần của tổng thể (lớp kem phủ trên các lát bánh táo).

Hình 11 và 19 là các loại đồ uống của từng vùng miền thuộc tiểu bang California, đều thuộc quá trình phân loại. Cụ thể là, hình 11 thể hiện sự phân loại và nhóm các đối tượng (cốc bia) dựa trên các thuộc tính (màu sắc, vị) trong cùng một bối cảnh (đặt trên bàn, cùng nhãn hiệu “the Growler”). Hình 19 nhóm các ly rượu và bánh ngọt lại với nhau, cho thấy chúng thuộc cùng một nhóm đối tượng là rượu và bánh ngọt. Mặc dù các ly rượu và bánh ngọt thuộc cùng một nhóm nhưng chúng khác nhau về màu sắc và có thể là vị. Điều này thể hiện sự phân loại bên trong nhóm đó. Mỗi ly rượu khác nhau về màu sắc và mỗi bánh ngọt có thể khác nhau về hình dáng hoặc loại.

Ba quá trình tiêu biểu của hình ảnh khái niệm trong DNQCDL bang California được khái quát hóa theo biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1. Ba quá trình của hình ảnh khái niệm trong DNQCDL bang California, Mỹ

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

Kết quả từ biểu đồ 1 cho thấy hai quá trình phân loại và phân tích đều được sử dụng trong các hình ảnh khái niệm trong DNQCDL bang California, Mỹ, trong đó quá trình phân tích sử dụng phổ biến nhất với tỷ lệ phần trăm là 83,3%. Các hình ảnh thuộc loại quá trình này thường nhấn mạnh vào các đặc điểm cụ thể, chi tiết và các yếu tố thành phần của đối tượng. Trong quảng cáo du lịch, hình ảnh quảng cáo thường mô tả chi tiết các điểm đến du lịch cụ thể như bãi biển, công viên quốc gia, các tòa nhà lịch sử, hoặc các món ăn đặc trưng nhằm cung cấp cho du khách tiềm năng một cái nhìn rõ ràng và hấp dẫn về những gì họ có thể mong đợi, giúp họ hiểu rõ hơn về địa điểm du lịch. Với 16,7%, quá trình phân loại hỗ trợ việc hệ thống hóa và phân loại các loại hình du lịch, giúp du khách dễ dàng lựa chọn theo sở thích và nhu cầu cá nhân. Việc không sử dụng quá trình biểu tượng (0%) cho thấy quảng cáo du lịch của bang California tập trung vào việc cung cấp thông tin cụ thể và rõ ràng hơn là truyền đạt các giá trị hoặc khái niệm trừu tượng thông qua hình ảnh.

4.2. Hình ảnh tường thuật

Nghĩa tường thuật liên quan đến việc kể một câu chuyện hoặc mô tả một chuỗi sự kiện thông qua hình ảnh, âm thanh và các yếu tố khác theo trình tự thời gian. Những hình ảnh tường thuật thường thể hiện hành động, sự kiện hoặc quá trình đang diễn ra, với các yếu tố chính gồm quá trình, tham thể và chu cảnh. 21 hình ảnh trực quan DNQCDL cho thấy:

- Có một số hình ảnh tường thuật, cụ thể hình 2 thể hiện quá trình hành vi (nhìn), với tham thể là 2 người (1 nam 1 nữ) đã tạo ra một vector hướng tới đích thể (Goal) là cầu Cổng Vàng trong chu cảnh không gian gồm Cầu Cổng Vàng và khung cảnh xung quanh. Điều này cung cấp thông tin về địa điểm của hành động và tạo nên một bối cảnh không gian cụ thể (cảnh quan nhìn từ một vị trí cao, bao quát thành phố và cây cầu). Bên cạnh đó, chu cảnh thời gian có thể là hoàng hôn hoặc bình minh) được biểu thị qua ánh sáng, giúp tạo nên bầu không khí của hình ảnh và thời gian cụ thể của hành động.

- Hình 3 thể hiện quá trình vật chất (nói), với hai tham thể là 1 người đàn ông 1 em nhỏ (2 bố con) hướng tới đích thể là nhân vật chuột Mickey, chu cảnh không gian là bối cảnh của Disneyland Park. Hình ảnh này tạo ra một câu chuyện cụ thể về một khoảnh khắc vui vẻ và đáng nhớ giữa hai bố con và nhân vật chuột Mickey tại Disneyland. Các yếu tố gồm quá trình, tham thể, chu cảnh đều kết hợp lại để tạo ra một bức tranh tường thuật rõ ràng và có ý nghĩa, thể hiện niềm vui và sự kết nối gia đình trong một môi trường vui chơi giải trí.

- Hình 4 thể hiện quá trình tinh thần (vui vẻ), tham thể gồm 3 thanh niên (2 nữ 1 nam), chu cảnh không gian là ở chợ nông sản ngoài trời, chu cảnh thời gian là thời gian vào ban ngày.

- Hình 9 thể hiện quá trình vật chất (đi bộ) với tham thể là 4 người với chu cảnh không gian là bối cảnh tại bãi biển. Hành động “đi bộ ra biển” và việc cầm ván lướt sóng là các hành động cụ thể, tạo nên một sự kiện và mang tính tường thuật.

- Hình 10 thể hiện quá trình vật chất (cầm ly rượu), tham thể là đôi nam nữ đích thể là ly rượu với chu cảnh không gian là bối cảnh tại 1 vườn nho.

- Hình 14 thể hiện quá trình hành vi (nhìn) với tham thể là 1 bé gái, đích thể là con bạch tuộc trong bối cảnh tại thủy cung.

- Hình 15 thể hiện quá trình vật chất (đứng), tham thể là 4 người (có thể là 1 gia đình) với đích thể là chú hươu cao cổ. Bối cảnh của hình ảnh là một vườn thú, trong đó vị trí cụ thể là trên cầu nơi các tham thể đứng nhìn xuống con hươu cao cổ. Chu cảnh không gian gồm cầu và khu vực của con hươu cao cổ.

- Hình 20 thể hiện quá trình vật chất (nâng ly), với 2 tham thể là người phụ nữ bên trái và người đàn ông bên phải trong chu cảnh là không gian trong 1 quán rượu.

- Hình 21 thể hiện quá trình vật chất (bay lên), tham thể là người ngồi trên khinh khí cầu, chu cảnh không gian là ngoài trời (trên bầu trời).

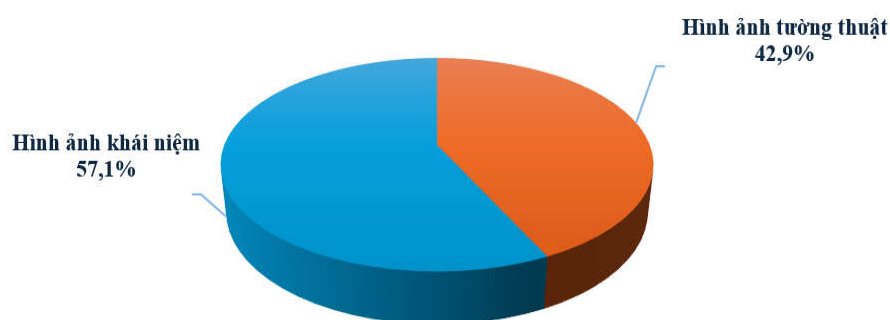
4.3. Thảo luận

Nghĩa biểu hiện của 21 hình ảnh khảo sát được xác định và phân loại thành 2 nhóm nghĩa (nghĩa tường thuật và nghĩa khái niệm) theo bảng dưới đây:

Bảng 1. Các quá trình trong hình ảnh DNQCDL bang California, Mỹ

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

Quá trình	Hình ảnh tường thuật					Hình ảnh khái niệm	Tổng
	Vật chất	Hành vi	Phát ngôn	Tinh thần	Quan hệ		
Số lượng	6	2	0	1	0	12	21
Tỷ lệ %	28,6%	9,5%	0%	4,8%	0%	57,1%	100%

**Biểu đồ 2.** Hình ảnh biểu thị nghĩa biểu hiện trong DNQCDL bang California, Mỹ

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

Kết quả khảo sát chứng minh rằng hình ảnh tường thuật và hình ảnh khái niệm đều xuất hiện trong DNQCDL bang California, trong đó hình ảnh khái niệm chiếm tỉ lệ cao hơn với 57,1% so với hình ảnh tường thuật với 42,9% (Biểu đồ 2). Điều này thể hiện rằng hình ảnh trực quan trong DNQCDL phần lớn tập trung vào việc biểu hiện các thuộc tính, các mối quan hệ tĩnh giữa các đối tượng như cảnh quan, kiến trúc, và các tiện nghi, từ đó người xem có cái nhìn chi tiết và rõ ràng về những gì họ sẽ thấy và tận hưởng. Hình ảnh khái niệm thường được sử dụng để giới thiệu và mô tả các địa điểm du lịch, cảnh quan, và trải nghiệm mà khách hàng có thể mong đợi. Những hình ảnh này không nhất thiết phải kể một câu chuyện cụ thể mà thay vào đó, chúng tập trung vào việc tạo ra một ấn tượng hoặc cảm nhận về địa điểm đó, vì vậy giúp người xem hình dung và cảm nhận về các địa điểm du lịch một cách rõ ràng và hấp dẫn.

Hình ảnh tường thuật trong DNQCDL thuộc các quá trình hoạt động khác nhau gồm hành vi, vật chất, tinh thần (Bảng 1). Hình ảnh thể hiện quá trình vật chất chiếm tỉ lệ cao nhất (23,8%) với mục đích là thể hiện các hành động của tham thể, tường thuật các sự kiện, đối tượng liên quan và chu cảnh xác định. Hình ảnh thể hiện quá trình hành vi chiếm 9,5% tập trung vào những những người liên quan và bối cảnh của sự kiện. Các hình ảnh thể hiện quá trình tinh thần chiếm 4,8% và không có hình ảnh nào thể hiện quá trình phát ngôn và quan hệ.

5. Kết luận

Áp dụng khung phân tích hình ảnh của Kress và Van Leeuwen trong phân tích diễn ngôn quảng cáo du lịch của bang California, Mỹ có vai trò quan trọng trong việc hiểu rõ cách các yếu tố hình ảnh được sử dụng để truyền tải thông điệp và tạo ra ảnh hưởng đối với người xem. Điều này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả của quảng cáo mà còn giúp hiểu rõ hơn về các giá trị và đặc điểm văn hóa mà bang California muốn nhấn mạnh. Khung phân tích giúp nhận diện và phân loại các yếu tố hình ảnh chính trong quảng cáo, bao gồm màu sắc, bố cục, biểu tượng, và các đối tượng được hiển thị. Hơn nữa, áp dụng khung phân tích hình ảnh cho thấy vai trò quan trọng của hình ảnh với tư cách là nguồn lực tạo nghĩa.

Phân tích hình ảnh theo nghĩa biểu hiện giúp nhận diện và giải mã nghĩa tường thuật và nghĩa khái niệm như quá trình biểu tượng, phân loại và phân tích. Điều này giúp hiểu rõ hơn về cách mà hình ảnh được sử dụng để diễn đạt các ý nghĩa, giá trị và trải nghiệm du lịch. Nghiên cứu này mới chỉ là ứng dụng một phần các thành quả nghiên cứu của các học giả nước ngoài trong việc tăng cường hiệu quả hình ảnh

trong lĩnh vực truyền thông về du lịch, qua đó gợi mở nhiều vấn đề cho những nghiên cứu tiếp theo thuộc các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, văn hóa cũng như nghiên cứu các nguồn tạo nghĩa khác như nghĩa tương tác, nghĩa bố cục của hình ảnh trực qua theo đường hướng diễn ngôn đa phương thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngô Thị Thu Hương (2023), "Nghĩa tương tác của hình ảnh trực quan trong diễn ngôn du lịch thành phố Đà Nẵng trên một số website tiếng Việt". Tạp chí *Phát triển Khoa học Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn*; số 6(4):1817-1825.

Tiếng Anh

2. Economou, D. (2009), *Photos in the News: appraisal analysis of visual semiosis and verbal-visual intersemiosis*. PhD thesis, University of Sydney.
3. Eggins, S. (2004), *An introduction to systemic functional linguistics* (2nd ed.). Continuum.
4. Halliday, M. A. K. (1978), *Language as social semiotic*. London: Edward Arnold.
5. Halliday, M.A.K. (1994), *An Introduction to Functional Grammar*. 2nd ed., London, Edward Arnold, 434p.
6. Jewitt, C. (2018), Multimodality: A guide for linguists. In L. Litosseliti & N. Athanassoulis (Eds.), *Research methods in linguistics* (pp.227-240). Bloomsbury Academic.
7. Kress, G & van Leeuwen, T. (2001), *Multimodal discourse: The modes and media of contemporary communication*. Bloomsbury.
8. Kress, G. & van Leeuwen, T. (2006), *Reading images: the grammar of visual design* (2nd ed.). Routledge.
9. Kress, G. (2010), *Multimodality: A Social Semiotic Approach to Contemporary Communication*. Oxon, England: Routledge.
10. Yanwei, J., & Hassan, H. (2023), A Multimodal Discourse Analysis of Tourism Promotional Video Beijing. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 13(1), pp.430-442.

Representational meanings of images in tourism promotion discourse of the state of California, USA

Abstract: This article studies the representational meaning of visual images in tourism promotion discourse of the state of California, USA on English official websites from the theory of multimodal discourse analysis. Tourism promotion discourse provides information to tourists and persuades potential tourists to choose a travel destination. With the development of science and technology, communication is carried out through many forms in which such elements as language, images, music, sound and colors, etc can generate meanings. This study uses a qualitative and quantitative design with data analysis of 21 visual images of California and applies the theoretical framework of visual grammar by Kress and Leeuwen (2006). The study results contribute to clarifying the applicability of visual grammar and are also useful for researching visual design theory combined with language to convey meaning in tourism promotion discourse.

Key words: representational meaning; discourse; tourism promotion; multimodal; language.